

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 11336:2016

IEC 61394:2011

Xuất bản lần 1



**ĐƯỜNG DÂY TẢI ĐIỆN TRÊN KHÔNG –
YÊU CẦU ĐỐI VỚI MỠ BẢO VỆ DÙNG CHO DÂY TRẦN
LÀM BẰNG NHÔM, HỢP KIM NHÔM VÀ THÉP**

Overhead lines –

Requirements for greases for aluminium, aluminium alloy and steel bare conductors

HÀ NỘI – 2016

Mục lục

| | Trang |
|---|--------------|
| Lời nói đầu | 4 |
| 1 Phạm vi áp dụng | 5 |
| 2 Tài liệu viện dẫn | 5 |
| 3 Hệ thống ký hiệu | 5 |
| 4 Yêu cầu đối với mỡ bảo vệ | 6 |
| 5 Thử nghiệm | 6 |
| Phụ lục A (quy định) – Phương pháp thử nghiệm tính axit hoặc tính kiềm đối với mỡ bảo vệ loại B | 12 |
| Phụ lục B (quy định) – Chuẩn bị mẫu và quy trình thử nghiệm đối với thử nghiệm lão hóa | 14 |
| Phụ lục C (quy định) – Độ ổn định của mỡ bảo vệ trên dây dẫn ở nhiệt độ cao | 17 |
| Phụ lục D (quy định) – Độ ổn định của mỡ bảo vệ trên dây dẫn khi ngắn mạch | 18 |
| Thư mục tài liệu tham khảo | 19 |

Lời nói đầu

TCVN 11336:2016 hoàn toàn tương đương với IEC 61394:2011;

TCVN 11336:2016 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/E4 *Dây và cáp điện* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Đường dây tải điện trên không – Yêu cầu đối với mỡ bảo vệ dùng cho dây trần làm bằng nhôm, hợp kim nhôm và thép

Overhead lines –

Requirements for greases for aluminium, aluminium alloy and steel bare conductors

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu và thử nghiệm đối với mỡ nhằm mục đích bảo vệ chống ăn mòn cho dây trần trên không.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn dưới đây là cần thiết để áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn có ghi năm công bố thì áp dụng các bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất (kể cả các sửa đổi).

TCVN 7699-2-11:2007 (IEC 60068-2-11:1981), *Thử nghiệm môi trường – Phần 2-11: Các thử nghiệm. Thử nghiệm Ka: Sương muối*

ISO 2137:2007, *Petroleum products and lubricants – Determination of cone penetration of lubricating greases and petrolatum (Sản phẩm dầu mỏ và dầu nhờn – Xác định sự thâm thấu của mỡ và dầu bôi trơn)*

ISO 2176:1995, *Petroleum products – Lubricating grease – Determination of dropping point (Sản phẩm dầu mỏ – Mỡ bôi trơn – Xác định điểm rơi nhỏ giọt)*

3 Hệ thống ký hiệu

Mỡ phải có ký hiệu là $\theta_1 A \theta_2$ hoặc $\theta_1 B \theta_2$ trong đó A và B là loại mỡ như sau:

- loại A: mỡ thường được áp dụng trong trạng thái lạnh, ví dụ các mỡ sau: mỡ nửa rắn hoặc rắn có thành phần thiết yếu là hỗn hợp ổn định dầu khoáng hoặc dầu tổng hợp và chất làm đặc như xà phòng kim loại hoặc hợp chất vô cơ;